

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN LÚC
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 79/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 25-11-2024
V/v tranh chấp không công nhận
vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LÚC, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Miên.

Các Hội thẩm Phú dân:

- Ông Nguyễn Văn Cao;
- Ông Nguyễn Ngọc Ân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Phước Long- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức tham gia phiên tòa: Bà Lê Ngọc Phương Thy - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 320/2024/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1968. Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện B, tỉnh Long An.

Bị đơn: Ông Huỳnh Văn N, sinh năm 1964. Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện B, tỉnh Long An.

(Bà M, ông N có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị M trình bày: Bà M và ông Huỳnh Văn N chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1991 nhưng không đăng ký kết hôn, đến năm 2000 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nên không còn sống chung cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, từ khi ly thân đến nay bà và ông N không còn quan

tâm, chăm sóc lẫn nhau và không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Do đó, nay bà N đề nghị Tòa án tuyên bố bà và ông N không có quan hệ vợ chồng.

Quá trình sống chung, bà và ông N có 03 con chung tên Huỳnh Bá L, sinh năm 1992; Huỳnh Bá Đ, sinh năm 1993; Huỳnh Bá P, sinh năm 2000. Các con chung đều đã trưởng thành. Giữa bà với ông N không có tài sản chung và nợ chung.

Bị đơn ông Huỳnh Văn N trình bày: Ông N thừa nhận có chung sống như vợ chồng với bà M từ năm 1991 đến năm 2000 thì không còn sống chung cho đến nay. Giữa ông và bà M không có đăng ký kết hôn và từ khi ly thân đến nay không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Do đó, ông đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà M về việc xác định ông và bà M không có quan hệ vợ chồng. Về con chung: Quá trình sống chung, ông và bà M có 03 con chung tên Huỳnh Bá L, Huỳnh Bá Đ, Huỳnh Bá P. Hiện nay các con chung đều đã trưởng thành. Về tài sản chung và nợ chung: Giữa ông và bà M không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An tham gia phiên tòa sơ thẩm phát biểu quan điểm:

Bà M và ông N chung sống như vợ chồng từ năm 1991 đến năm 2000, nhưng không đăng ký kết hôn. Ông bà đã ly thân từ năm 2000 đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc nhau nên bà M yêu cầu chấm dứt quan hệ hôn nhân với ông N, ông N cũng đồng ý. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật. Bà M có đơn yêu cầu không tiến hòa giải. Do đó, xác định hôn nhân giữa bà M và ông N không có biện pháp nào để hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt, hơn nữa quan hệ hôn nhân giữa bà M và ông N chưa tuân thủ về điều kiện đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Điều 8, 9 Luật Hôn nhân và gia đình nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Về con chung: có 03 con chung đều đã trưởng thành. Về chia tài sản chung, nợ chung: đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, căn cứ vào Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà M về việc không công nhận bà Nguyễn Thị M và ông Huỳnh Văn N là vợ chồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị M và ông Huỳnh Văn N chung sống với nhau từ năm 1991 đến năm 2000, không có đăng ký kết hôn, đến nay cũng chưa đăng ký kết hôn. Nay bà M yêu cầu Tòa án tuyên bố bà và ông N không phải là vợ chồng. Căn cứ Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định quan hệ pháp luật tố tụng là “Tranh chấp không công nhận vợ chồng”, thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

[2] Bà Nguyễn Thị M và ông Huỳnh Văn N có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M thấy rằng: Bà Nguyễn Thị M và ông Huỳnh Văn N chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1991, đến năm 2000 phát sinh mâu thuẫn, sống không hạnh phúc, bất đồng quan điểm nên đã ly thân cho đến nay. Giữa bà M và ông N không đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật Việt Nam. Như vậy việc kết hôn của bà M, ông N đã không tuân thủ theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam nên không có giá trị về mặt pháp lý. Nay bà Nguyễn Thị M đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông Huỳnh Văn N, ông N cũng thống nhất yêu cầu khởi kiện của bà M. Căn cứ Điều 14, 15 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu không công nhận vợ chồng của bà Nguyễn Thị M với ông Huỳnh Văn N.

[4] Về con chung: Quá trình sống chung, bà M và ông N có 03 con chung tên Huỳnh Bá L, sinh năm 1992; Huỳnh Bá Đ, sinh năm 1993 và Huỳnh Bá P, sinh năm 2000. Hiện các con chung đã trưởng thành, bà M và ông N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà M và ông N thống nhất xác định không có.

[6] Về án phí: Bà Nguyễn Thị M phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 14, 15 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị M đối với bị đơn ông Huỳnh Văn N.

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa bà Nguyễn Thị M và ông Huỳnh Văn N là vợ chồng.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị M và ông Huỳnh Văn N thống nhất có 03 con chung tên Huỳnh Bá L, sinh năm 1992; Huỳnh Bá Đ, sinh năm 1993 và Huỳnh Bá P, sinh năm 2000. Hiện các con chung đã trưởng thành.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị M và ông Huỳnh Văn N thống nhất không có, không yêu cầu nên không giải quyết.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị M phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm

ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007829 ngày 14/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Lức, tỉnh Long An. Bà Nguyễn Thị M đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Bến Lức;
- Chi cục THADS huyện Bến Lức;
- UBND xã Thạnh Lợi;
- Đương sự;
- Lưu./.

Hồ Thị Miên